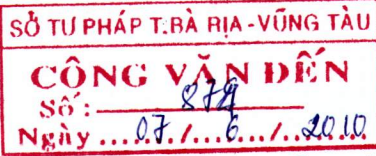


Số: 17/2010/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thời gian và cơ chế phối hợp để cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
Căn cứ Thông tư 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 689 /TT-STNMT ngày 29 tháng 4 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về thời gian và cơ chế phối hợp để cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định của Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở Tài Nguyên và Môi trường; Giám đốc sở Xây dựng; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh, VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Công an tỉnh; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT-TH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Minh Sơnh

QUY ĐỊNH

Về thời gian và cơ chế phối hợp để cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17 /2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về thời gian và cơ chế phối hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) theo quy định tại Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Nghị định số 88/2009/NĐ-CP) và đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là đăng ký biến động) theo quy định tại Thông tư số: 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng; cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan.
2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

THỜI GIAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 3. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện, thời gian thực hiện không quá năm mươi (50) ngày làm việc như sau:

1. Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp đủ hồ sơ hợp lệ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện, trong thời

gian không quá ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện gửi hồ sơ đến UBND xã, phường, thị trấn.

2. UBND xã, phường, thị trấn khi nhận hồ sơ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện chuyển đến; trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày làm việc, UBND xã, phường, thị trấn thực hiện các công việc quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 14, các điểm a, b và c khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, sau đó chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

3. Trong thời gian không quá mười tám (18) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều 14, điểm b và c khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; chuyển thông tin địa chính cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; Sau khi người sử dụng đất đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

4. Trong thời gian không quá bốn (04) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ, trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất.

5. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

6. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện.

7. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người được cấp Giấy chứng nhận.

Điều 4. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại UBND xã, phường, thị trấn; thời gian thực hiện không quá năm mươi (50) ngày làm việc như sau:

1. Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp đủ hồ sơ hợp lệ tại UBND xã, thị trấn; trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày làm việc, UBND xã, thị trấn thực hiện các công việc quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 14, các điểm a, b và c khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, sau đó chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

2. Trong thời gian không quá mười tám (18) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại điểm b và c khoản 3 Điều 14, điểm b và c khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; chuyển thông tin địa chính cho cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; Sau khi người sử dụng đất đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong thời gian không quá bốn (04) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ, trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất.

4. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện.

6. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện giao Giấy chứng nhận cho UBND xã, thị trấn.

7. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, UBND xã, thị trấn trao Giấy chứng nhận cho người được cấp Giấy chứng nhận.

Điều 5. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP), thời gian thực hiện không quá năm mươi (50) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các nội dung công việc quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 19, các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; sau đó trình hồ sơ Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất và ký Giấy chứng nhận theo ủy quyền Chủ tịch UBND Tỉnh; chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trao Giấy chứng nhận cho người được cấp Giấy chứng nhận.

Chương III

THỜI GIAN CẤP ĐỔI, CẤP LẠI VÀ XÁC NHẬN BỔ SUNG VÀO GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 6. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện, thời gian thực hiện không quá hai mươi (20) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử

dụng đất cấp huyện kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ UBND cấp huyện.

3. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

4. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người được cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 7. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại UBND xã, thị trấn; thời gian thực hiện không quá hai mươi (20) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận; UBND xã, thị trấn kiểm tra, xác nhận và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện xử lý hồ sơ và chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong thời gian không quá bốn (04) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ UBND cấp huyện.

4. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

6. Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện chuyển Giấy chứng nhận cho UBND xã, thị trấn.

7. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, UBND xã, thị trấn trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 8. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện, thời gian thực hiện không quá ba mươi (30) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền

sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại các điểm b và c khoản 3 Điều 15, của Nghị định 88/2009/NĐ-CP; chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ UBND cấp huyện.

3. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

4. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 9. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại UBND xã, thị trấn; thời gian thực hiện không quá ba mươi (30) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, UBND xã, thị trấn kiểm tra, xác nhận và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện.

2. Trong thời gian không quá mười hai (12) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của UBND xã, thị trấn chuyển đến, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại các điểm b và c khoản 3 Điều 15, của Nghị định 88/2009/NĐ-CP; chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ UBND cấp huyện.

4. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

6. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện chuyển Giấy chứng nhận cho UBND xã, thị trấn.

7. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, UBND xã, thị trấn trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 10. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại Điều 24 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP). Trường hợp người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện, thời gian thực hiện không quá ba mươi (30) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện.

3. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận đã mất, ký cấp lại Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

4. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

Điều 11. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (quy định tại Điều 24 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP), Trường hợp người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại UBND xã, thị trấn; thời gian thực hiện không quá ba mươi (30) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, UBND xã, thị trấn kiểm tra, xác nhận và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện.

2. Trong thời gian không quá mười hai (12) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của UBND xã, thị trấn chuyển đến, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại các điểm b và c khoản 3 Điều 15, của Nghị định 88/2009/NĐ-CP; chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ UBND cấp huyện.

4. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận đã mất, ký cấp lại Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

5. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

6. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện chuyển Giấy chứng nhận cho UBND xã, thị trấn.

7. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, UBND xã, thị trấn trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 12. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (quy định tại khoản 1 Điều 23 của Nghị định số

88/2009/NĐ-CP), thời gian thực hiện không quá hai mươi (20) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá mười bốn (14) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; sau đó trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận theo ủy quyền Chủ tịch UBND Tỉnh; chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 13. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP), thời gian thực hiện không quá ba mươi (30) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá hai mươi hai (22) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; sau đó trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá bảy (07) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận theo ủy quyền Chủ tịch UBND Tỉnh; chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận.

Điều 14. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài (quy định tại Điều 24 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP), thời gian thực hiện không quá hai mươi (20) ngày làm việc như sau:

1. Trong thời gian không quá mười bốn (14) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; sau đó trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận đã mất, ký cấp lại Giấy chứng nhận theo ủy quyền Chủ tịch UBND Tỉnh; chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

Điều 15. Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận (quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP); thời gian thực hiện như sau:

Trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện các công việc quy định điểm b, c khoản 3 Điều 15 (*trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam*); các điểm a, b và c khoản 2 Điều 20 (*trường hợp tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài*) của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, xác nhận vào Giấy chứng nhận và trao cho người đề nghị xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận.

Điều 16. Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán (quy định tại Điều 18 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP), thời gian thực hiện như sau:

1. Trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; thời gian thực hiện như sau:

a. Trong thời gian không quá mười hai (12) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người nhận chuyển nhượng, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các công việc theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; lập hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Tỉnh; chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận mới ký cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

c. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận của người chuyển nhượng; sau đó trao Giấy chứng nhận mới ký cho người nhận chuyển nhượng.

2. Trường hợp người nhận chuyển nhượng là hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; thời gian thực hiện như sau:

a. Trong thời gian không quá sáu (06) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người nhận chuyển nhượng, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện các công việc theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP; chuyển hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (kèm theo bản sao giấy chứng nhận của người chuyển nhượng).

b. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh chuyển đến, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện lập hồ sơ chuyển sang Phòng Tài nguyên và Môi trường.

d. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ cho UBND cấp huyện.

đ. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận và chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường.

e. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận mới ký cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

g. Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện gửi Giấy chứng nhận mới ký cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh.

h. Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận của người chuyển nhượng; sau đó trao Giấy chứng nhận mới ký cho người nhận chuyển nhượng.

Chương IV

THỜI GIAN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 17. Các trường hợp biến động phải xác nhận vào Giấy chứng nhận (quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT). Trường hợp nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông), thực hiện như sau:

1. Trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đăng ký biến động, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận và trao Giấy chứng nhận cho người đăng ký biến động.

2. Trường hợp phải thực hiện trích đo địa chính, trong thời gian không quá ba mươi lăm (35) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận và trao Giấy chứng nhận cho người đăng ký biến động.

3. Các trường hợp biến động phải cấp Giấy chứng nhận (quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT), thời gian thực hiện không quá hai mươi (20) ngày làm việc.

Điều 18. Các trường hợp biến động phải xác nhận vào Giấy chứng nhận (quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT), Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND xã, thị trấn; thực hiện như sau:

1. Trong thời gian không quá năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đăng ký biến động, UBND xã, thị trấn kiểm tra, xác nhận và chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (hoặc một cửa liên thông) cấp huyện.

2. Trong thời gian không quá chín (09) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Trường hợp phải thực hiện trích đo địa chính, trong thời gian không quá hai mươi chín (29) ngày làm việc, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận và chuyển lại hồ sơ cho UBND xã, thị trấn.

3. Trong thời gian không quá một (01) ngày làm việc, UBND xã, thị trấn trao Giấy chứng nhận cho người đăng ký biến động.

4. Các trường hợp biến động phải cấp Giấy chứng nhận (quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT), thời gian thực hiện không quá hai mươi (20) ngày làm việc.

Chương V
CƠ CHẾ PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 19. Việc cung cấp thông tin được thực hiện, như sau:

1. Trường hợp cần xác minh thêm thông tin về điều kiện chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22 và 23 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT), Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất gửi phiếu lấy ý kiến đến cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất.

- Đối với trường hợp đủ điều kiện xác định, trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến, cơ quan quản lý nhà ở và tài sản gắn liền với đất, cơ quan quản lý nông nghiệp và các cơ quan khác có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất.

- Đối với trường hợp không đủ điều kiện xác định, trong thời gian không quá mười (10) ngày làm việc, cơ quan quản lý nhà ở và tài sản gắn liền với đất, cơ quan quản lý nông nghiệp và các cơ quan khác có liên quan có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết. Thời gian các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết không tính vào thời gian của quy trình này.

2. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài được nhận quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam; trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày trao Giấy chứng nhận, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh có trách nhiệm lập danh sách gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng.

3. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận (có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất) đã được cơ quan có thẩm quyền ký, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm sao y bản chính (đóng dấu của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất) gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về tài sản gắn liền với đất để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo từng ngành.

Điều 20. Việc chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện như sau:

Các trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận quy định tại Nghị định số 88/2009/NĐ-CP và đăng ký biến động quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT, thời gian thực hiện như sau:

1. Trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận phiếu chuyển thông tin địa chính của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến, cơ quan Thuế xác định và gửi Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thông báo cho người sử dụng đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Trong thời gian không quá mười ba (13) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác định giá thuê đất của cơ quan Tài nguyên và Môi trường gửi đến,

cơ quan Tài chính xác định và Thông báo giá thuê đất cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Việc luân chuyển hồ sơ và Giấy chứng nhận được thực hiện như sau:

1. Các cơ quan giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận phải trực tiếp luân chuyển hồ sơ, vào sổ theo dõi và ký nhận.

2. Việc chuyển thông tin cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Xây dựng (quy định tại khoản 2 Điều 19 của Quy định này), Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh chuyển bằng đường công văn.

3. Việc chuyển Giấy chứng nhận có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất (quy định tại khoản 3 Điều 19 của Quy định này), Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chuyển bằng đường công văn.

4. Việc chuyển thông tin và nhận Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (theo khoản 1 Điều 20 của Quy định này), Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và cơ quan Thuế phải trực tiếp luân chuyển hồ sơ, vào sổ theo dõi và ký nhận.

5. Việc chuyển thông tin và nhận Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính (theo khoản 2 Điều 20 của Quy định này), cơ quan Tài nguyên và Môi trường, cơ quan Tài chính và các cơ quan thuế chuyển bằng đường công văn.

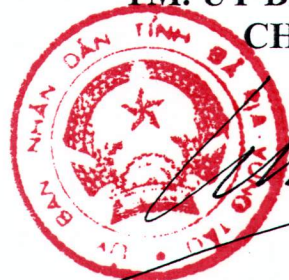
Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây Dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài Chính; Cục Trưởng Cục thuế tỉnh; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những phát sinh liên quan đến công tác cấp Giấy chứng nhận và đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh cần phải điều chỉnh, bổ sung vào Quy định này thì giao cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu thống nhất trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Sanh